

Số: 44/2022/HNGĐ - ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2022
“V/v: Tranh chấp ly hôn và chia con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Đỗ Hồng Phúc.

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đào Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2022/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022, về việc: Tranh chấp ly hôn và chia con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 6 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 22/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau ngày cưới, chị về làm dâu nhà anh M và sinh sống cùng gia đình anh M đến cuối năm 2021 đầu năm 2022 thì vợ chồng ra ngoài thuê nhà ở riêng. Ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, vài năm trở lại đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do, thiếu sự chia sẻ với nhau dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, anh M bỏ bê gia đình, không quan tâm đến vợ con. Tại phiên tòa chị H xác định, anh M sống không có trách nhiệm gì

đối với các con, khi chị nói thì anh M chửi bới thậm trí còn đánh đập chị. Chị và anh M đã sống ly thân nhau từ giữa năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cả chị và anh M không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Hiện tại tuy anh M đang đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng anh M vẫn về ở cùng nhà với bố mẹ anh M tại thôn T, xã T. Khi chị làm đơn ly hôn, chị có thông báo cho anh M biết và bảo anh M về Tòa án để giải quyết. Anh M nói với chị là anh không về Tòa án giải quyết, Tòa án muốn làm gì thì làm. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn M, trong quá trình giải quyết đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thể lấy được lời khai của anh M.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Chi là mẹ đẻ của anh M. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2022, bà Chi trình bày. Bà có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác.... của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc gửi cho anh M là con trai bà. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo lại nội dung của từng văn bản mà bà nhận được của Tòa án cho anh M biết nhưng do anh M bận công việc không về Tòa án để làm việc theo yêu cầu của Tòa án được.

Bà Chi xác nhận, về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống giữa chị H và anh M đúng như lời khai chị H đã trình bày ở trên. Đầu năm 2022, chị H và anh M xin bà cho ra ở riêng nên giữa chị H và anh M xảy ra mâu thuẫn như thế nào thì bà không nắm được. Bà có hỏi ý kiến của anh M về việc chị H xin ly hôn thì anh M nói với bà, anh M không bỏ vợ bỏ con, việc chị H làm đơn ly hôn là do chị H, anh M không có ý kiến gì. Khi bà Chi hỏi địa chỉ cụ thể của anh M ở đâu thì anh M không cung cấp cho bà Chi biết nên bà không biết hiện nay anh M đang làm việc ở đâu.

Về con chung: Chị H và bà Chi đều xác định, chị H và anh M có 04 con chung gồm cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 11/11/2010; cháu Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 15/6/2012; cháu Nguyễn Thị Phương C, sinh ngày 30/3/2014 và cháu Nguyễn Đoàn Cúc, sinh ngày 20/5/2017, hiện nay cả 04 con đều đang ở với chị H. Ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được nuôi cả 04 con và không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H. Hiện tại chị H đang làm nghề tự do, thu nhập bình quân ổn định từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng. Chị đang ở chung với mẹ đẻ nên cuộc sống hàng ngày của mẹ con chị được gia đình nhà ngoại tạo điều kiện giúp đỡ do vậy rất thuận lợi và đầy đủ.

Nguyên vọng của các cháu Nguyễn Thị Phương L, Nguyễn Thị Phương T và cháu Nguyễn Thị Phương C đều xin được ở với mẹ.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở; đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H xác định, vợ chồng tự thỏa thuận chia khi anh M về nên ly hôn chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật.

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Mặc dù bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật nhưng Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, do vậy đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Giao cho chị H được quyền tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cả 04 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương L, cháu Nguyễn Thị Phương T, cháu Nguyễn Thị Phương C và cháu Nguyễn Đoan Cúc. Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H và có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Sau này, anh M về nếu có yêu cầu dịch chuyển quyền nuôi con thì sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị H là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn M là bị đơn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và chia con chung. Anh M hiện đang có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc nên căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 35 của

Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

- Anh Nguyễn Văn M là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh M theo thủ tục chung.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Chị H xác định, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh M không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Căn cứ vào lời trình bày của chị H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, lời khai của bà Chi (là mẹ anh M); căn cứ vào kết quả xác minh thu thập chứng cứ của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã T. Hội đồng xét xử nhận thấy, chị H với anh M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T nên cần xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, theo lời trình bày của chị H thì giữa chị và anh M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do trong cuộc sống hàng ngày giữa chị và anh M không hiểu nhau, thiếu sự chia sẻ dẫn đến sống chung không hạnh phúc. Anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của anh M trình bày về mâu thuẫn vợ chồng và quan điểm của anh M về việc chị H xin ly hôn. Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Chi là mẹ anh M và xác minh tại chính quyền địa phương xác định, anh M và chị H có xảy ra mâu thuẫn còn cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn và mức độ mâu thuẫn xảy ra như thế nào thì bà Chi và địa phương không nắm được. Song xét thấy, anh M biết rõ việc chị H xin ly hôn với mình nhưng anh không về Tòa án để trình bày quan điểm cũng như không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm với chị H. Mặt khác anh M, chị H đã sống ly thân với nhau từ năm đầu năm 2022 cho tới nay chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh M mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho chị H được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị H và anh M có 04 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 11/11/2010; Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 15/6/2012; Nguyễn Thị Phương C, sinh ngày 30/3/2014 và cháu Nguyễn Đoàn Cúc, sinh ngày 20/5/2017, hiện tại, các cháu đều đang ở với chị H. Ly hôn, nguyện vọng

của chị H xin được nuôi dưỡng toàn bộ 04 cháu, nguyện vọng của các con chị H cũng xin được ở với mẹ. Xét thấy, hiện tại chị H đang ở cùng với mẹ đẻ, làm nghề tự do có thu nhập ổn định. Nguyện vọng xin nuôi cả 04 con của chị H là thực tâm, phù hợp với nguyện vọng xin được ở với mẹ của các con chị H. Giữa chị H và anh M, mặc dù chưa có sự thỏa thuận gì về việc nuôi con nhưng việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là quyền và cũng là nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Anh M lại không có mặt ở nhà và chưa có quan điểm gì về việc chia con chung nên tại thời điểm chị H xin ly hôn, Hội đồng xét xử sẽ giao cho chị H tiếp tục được quyền nuôi dưỡng cả 04 con để đảm bảo cuộc sống ổn định, tránh gây tâm lý sáo trộn cho các con và phù hợp với quy định tại các điều 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau này anh M về địa phương nếu anh M có nguyện vọng xin dịch chuyển quyền nuôi con thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh M không có mặt ở nhà nên Tòa án không lấy được lời khai của anh M để biết được nguyện vọng của anh M. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu toàn bộ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì vậy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51; 56, 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2/ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Phương L, sinh ngày 11/11/2010; Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 15/6/2012; Nguyễn Thị Phương C, sinh ngày 30/3/2014 và cháu Nguyễn Đoan Cúc, sinh ngày 20/5/2017 cho chị H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo

dục cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H và có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001325 ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh